

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình  
Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An, tỉnh Quảng Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định của 09 Luật ngày 11/01/2022;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 15/ 8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An, tỉnh Quảng Nam” sử dụng vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An, tỉnh Quảng Nam;*

*Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 659/TTr-BQLNNPTNT ngày 20/7/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh đề nghị phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An, tỉnh Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 170/TTr-SNNPTNT ngày 04/8/2023 (kèm theo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây*

dự án tại văn bản số 1878/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 28/7/2023).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An, tỉnh Quảng Nam; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An, tỉnh Quảng Nam.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh.
4. Tên nhà tài trợ nước ngoài: Cơ quan Phát triển Pháp (AFD).

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Xây dựng giải pháp công trình tổng thể nhằm chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An, đáp ứng nhu cầu cấp thiết về ổn định chỗ ở và phát triển kinh tế của cộng đồng dân cư khu vực dự án (bảo vệ đất đai, nhà cửa, tài sản và tính mạng của người dân, cũng như các cơ sở hạ tầng về du lịch, nghỉ dưỡng cho toàn bộ khoảng 3,2 km<sup>2</sup> diện tích đất và hơn 1.300 hộ dân phường Cửa Đại và khu vực lân cận, nhất là khu vực ven biển; tạo điều kiện để ổn định dân sinh, phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đặc biệt là ngành du lịch), phù hợp với quy hoạch và kế hoạch chiến lược phát triển của thành phố Hội An nói riêng và thích ứng với biến đổi khí hậu tại các khu vực ven biển của tỉnh Quảng Nam nói chung.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Hợp phần 1: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Phạm vi xây dựng công trình từ cửa sông (cầu tàu đi Cù Lao Chàm) dọc về hướng Bắc đến biên phía Bắc của khách sạn Victoria dài khoảng 3.393,5 m.

- Tuyến đê ngầm giảm sóng B1 ÷ B7: Tổng chiều dài khoảng 2.090 m; mặt cắt đê hình thang, mái phía biển  $m = 2$ , mái phía bờ  $m = 1,5$ ; bề rộng đỉnh  $B = 6,85$  m; cao trình đỉnh đê +0,6 m; kết cấu đá đổ, mặt ngoài phủ khối bê tông đúc sẵn Hodlquader.

- Mỏ hàn G1 ÷ G6: Tổng chiều dài khoảng 1.490 m; mỏ hàn G1: Mặt cắt mỏ hàn hình thang kết cấu đá và khối bê tông. Mỏ hàn G2 ÷ G6: Ống cát geotube.

- Đổ cát tạo bãi C1 ÷ C6: Bãi khô: rộng 40m, cao độ +2 m, độ dốc 0%. Bãi tắm: Rộng 60 m từ cao trình +2 m đến cao trình -3,0 m độ dốc 5%; từ cao trình -3,0 m ra ngoài biển độ dốc 2,2%. Đổ cát nuôi bãi ở cuối dự án phía Bắc đang triển khai theo khuyến cáo của AFD.

- Công trình phụ trợ: Bến tạm và bãi đúc cấu kiện.

*(Chi tiết thông số công trình tại Phụ lục kèm theo)*

b) Hợp phần 2: Các biện pháp phi công trình

Hoạt động 1: Nghiên cứu, đánh giá củng cố cơ chế và thể chế tổ chức quản lý tổng hợp lưu vực vùng bờ.

Hoạt động 2: Xây dựng trung tâm dữ liệu tập trung cho lưu vực vùng bờ.

Hoạt động 3: Củng cố các hệ thống quan trắc chất lượng nước, môi trường tự động (rà soát theo quy hoạch các hệ thống quan trắc được phê duyệt).

Hoạt động 4: Xây dựng công cụ giám sát khai thác tài nguyên (đánh giá, giám sát, quan trắc) trên hệ thống sông và vùng bờ.

Hoạt động 5: Nâng cao năng lực quản lý, vận hành hệ thống lưu vực vùng bờ hướng đến lưu vực và vùng bờ bền vững theo định hướng phát triển của các địa phương trong lưu vực.

c) Hợp phần 3: Quản lý dự án

Hoạt động 1: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật quản lý dự án.

Hoạt động 2: Thí nghiệm mô hình vật lý.

7. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Trung tâm nước và Môi trường Việt Nam - Hà Lan.

8. Địa điểm xây dựng: Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

9. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

a) Nhóm dự án: Nhóm B.

b) Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp II.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Theo khoản 11, mục I văn bản số 1878/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 28/7/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: 42,0 triệu Euro, tương đương: 982.239 triệu đồng. Trong đó:

Khoản mục chi phí	Giá trị	
	Triệu đồng	Triệu EUR
<b>Hợp phần 1</b>	<b>935.654</b>	<b>40,000</b>
- Chi phí xây dựng	867.134	37,136
- Chi phí quản lý dự án	9.445	0,404
- Chi phí tư vấn ĐTXD	32.504	1,392
- Chi phí khác	15.355	0,657
- Chi phí bồi thường, GPMB	440	0,018
- Chi phí dự phòng	10.774	0,461
<b>Phần vốn không hoàn lại (HP2 và HP3)</b>	<b>46.585</b>	<b>2,000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>982.239</b>	<b>42,000</b>

- Bảng phân tích cơ cấu tổng mức đầu tư dự án:

TT	Hạng mục chi phí	Tổng mức đầu tư						Ghi chú
		Vốn AFD		Vốn đối ứng		Tổng cộng		
		Triệu đồng	Triệu EUR	Triệu đồng	Triệu EUR	Triệu đồng	Triệu EUR	
1	Chi phí xây dựng	788.304	33,760	78.830	3,376	867.134	37,136	10% VAT
2	Chi phí QLDA	0	0	9.445	0,404	9.445	0,404	
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	19.441	0,833	13.063	0,559	32.504	1,392	
4	Chi phí khác	0	0	15.355	0,657	15.355	0,657	
5	Chi phí BT, GPMB	0	0	440	0,018	440	0,018	
6	Chi phí dự phòng			10.774	0,461	10.774	0,461	
	<b>Cộng</b>	<b>807.745</b>	<b>35,000</b>	<b>127.907</b>	<b>5,477</b>	<b>935.654</b>	<b>40,000</b>	
	<b>Chi phí không hoàn lại</b>	<b>46.585</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>46.585</b>	<b>2,000</b>	0% VAT
	<b>Tổng cộng</b>			<b>127.907</b>	<b>5,000</b>	<b>982.239</b>	<b>42,000</b>	

12. Nguồn vốn đầu tư và cơ chế tài chính:

- Nguồn vốn: Vay ODA, viện trợ không hoàn lại, ngân sách tỉnh.

- Cơ chế tài chính: Theo Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ.

14. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2019 đến năm 2026.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh (chủ đầu tư) căn cứ các nội dung đã phê duyệt, tổ chức lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện; trong đó lưu ý triển khai thực hiện một số nội dung kiến nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 1878/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 28/7/2023.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT và UBND thành phố Hội An phối hợp với các

ngành, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hội An và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC, NN và PTNT;
- Cơ quan Phát triển Pháp (AFD);
- TT TU, HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở GTVT;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN<sub>(TH)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục.**  
**THÔNG SỐ CÔNG TRÌNH**

*(Kèm theo Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của  
UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Hạng mục công trình	Kích thước (m)	Cao trình đỉnh/mũi (m)	Các thông số chủ yếu	Kết cấu
<b>1</b>	<b>Đê giảm sóng</b>				
	B1	260	+0,6	Mái phía biển m = 2; Mái phía bờ m = 1,5; Bề rộng đỉnh: 6,85 m	Mặt cắt đê hình thang, kết cấu đá đổ, mặt ngoài phủ khối bê tông đúc sẵn Hodlquader
	B2	260	+0,6		
	B3	260	+0,6		
	B4	260	+0,6		
	B5	425	+0,6		
	B6	425	+0,6		
	B7	200	+0,6		
<b>2</b>	<b>Mở hàn</b>				
	G1	250		Cao trình đỉnh thay đổi trong khoảng từ +0,6 m đến +1,5 m; Mái phía bờ m = 1,5	Mặt cắt mở hàn mặt cắt hình thang kết cấu đá và khối bê tông
	G2	270		Cao trình đỉnh thay đổi trong khoảng từ +1,5 m đến -3,5 m	Mở hàn ống cát geotube
	G3	250			
	G4	250			
	G5	225			
	G6	245			
<b>3</b>	<b>Đổ cát tạo bãi</b>				
	C1 ÷ C6 và cuối dự án phía Bắc			Bãi khô: Rộng 40 m, cao độ +2m, độ dốc 0%; Bãi tắm: Rộng 60 m từ cao trình +2 m đến cao trình -3,0 m, độ dốc 5%; từ cao trình -3,0 m ra ngoài biển độ dốc 2,2%.	
<b>4</b>	<b>Công trình phụ trợ</b>			Bến tạm, bãi đúc cầu kiện, phao báo hiệu...	